

CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT NAM

(VCFC)

✦ ✦ ✦



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TÀI CHÍNH
CỔ PHẦN HÓA CHẤT VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Công văn số 3538/NHNN-TTGSNH ngày 17/05/2013 về việc
xác nhận đăng ký nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VCFC)

Hà Nội, tháng 04 năm 2013

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3538 /NHNN-TTGSNH

V/v xác nhận đăng ký nội dung sửa đổi,
bổ sung Điều lệ VCFC

Hà Nội, ngày

21 tháng 5 năm 2013

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 855

Ngày 21 tháng 5 năm 2013

Kính gửi: Công ty tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam

Liên quan đến đề nghị đăng ký nội dung sửa đổi Điều lệ của Công ty trách tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam (VCFC) tại công văn số 125/2013/TTr-TCHC ngày 7/5/2013 và hồ sơ kèm theo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến như sau:

1. Ngân hàng Nhà nước xác nhận việc đăng ký đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ đính kèm công văn số 125/2013/TTr-TCHC ngày 7/5/2013 đã được Đại hội đồng cổ đông VCFC thông qua tại Nghị quyết ngày 26/4/2013.

2. VCFC hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ, đảm bảo phù hợp với các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp Điều lệ có các khoản trái với quy định của pháp luật, các Điều, khoản đó đương nhiên vô hiệu và VCFC có trách nhiệm kịp thời sửa đổi, bổ sung các Điều, khoản liên quan đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của VCFC phải được đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông qua.

Ngân hàng Nhà nước thông báo để VCFC biết và thực hiện. *TK*

Nơi nhận:

- Như trên;
- BLD NHNN;
- Lưu: VP, TTGSNH6 (6).

TL. THÔNG ĐỐC

CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG

PHÓ CHÁNH THANH TRA, GIÁM SÁT NGÂN HÀNG



DẶNG VĂN THẢO

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	7
CHƯƠNG I:	7
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	7
Mục 1: Giải thích từ ngữ	7
Điều 1	7
Giải thích từ ngữ	7
Mục 2:	9
Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động	9
Điều 2	9
Tên gọi, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động	9
Điều 3	10
Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Công ty	10
Điều 4	10
Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty	10
Điều 5	11
Phạm vi kinh doanh và hoạt động	11
Mục 3:	11
Các hoạt động chính	11
Điều 6	11
Huy động vốn	11
Điều 7	11
Hoạt động tín dụng	11
Điều 8	12
Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ	12
Điều 9	12
Các hoạt động nghiệp vụ khác	12
Điều 10	13
Các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động	13
Điều 11	13
Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế	13
Điều 12	13
Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty	13
CHƯƠNG II:	13
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	13
Mục 1:	13
Vốn điều lệ	13
Điều 13	13
Vốn điều lệ của Công ty	13
Điều 14	13
Tăng, giảm vốn điều lệ	13
Mục 2:	13
Cổ phần, Cổ phiếu, Trái phiếu	13
Điều 15	13
Cổ phần	13
Điều 16	14
Chào bán cổ phần	14
Điều 17	16
Mua lại cổ phần	16

Điều 18	17
Chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 19	18
Thừa kế cổ phần.....	18
Điều 20	18
Giới hạn sở hữu cổ phần.....	18
Điều 21	18
Sổ đăng ký cổ đông.....	18
Điều 22	19
Cổ phiếu	19
Điều 23	20
Phát hành trái phiếu.....	20
CHƯƠNG III:	21
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY	21
Mục 1:	21
Cơ cấu tổ chức quản lý	21
Điều 24	21
Cơ cấu tổ chức quản lý.....	21
Mục 2:	21
Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 25	21
Cổ đông	21
Điều 26	21
Quyền của cổ đông.....	21
Điều 27	23
Nghĩa vụ của cổ đông.....	23
Điều 28	24
Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 29	24
Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 30	25
Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 31	26
Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 32	28
Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 33	29
Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 34	31
Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	31
Điều 35	32
Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 36	33
Thẩm quyền và thế thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 37	34
Thay đổi các quyền	34
Điều 38	35
Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	35
Điều 39	35

Handwritten signature

Handwritten signature

103
CƠ
ÁI
CỔ
IÓA
IỆT
KIẾ

Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	35
Mục 3:	35
Hội đồng quản trị	35
Điều 40	35
Hội đồng quản trị	35
Điều 41	37
Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị	37
Điều 42	39
Chủ tịch Hội đồng quản trị	39
Điều 43	40
Quyền hạn và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị	40
Điều 44	41
Thù lao và thưởng của thành viên Hội đồng quản trị	41
Điều 45	41
Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	41
Điều 46	42
Họp Hội đồng quản trị.....	42
Điều 47	43
Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị	43
Điều 48	44
Biên bản họp hội đồng quản trị.....	44
Điều 49	45
Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	45
Điều 50	46
Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị	46
Mục 4:	46
Tổng giám đốc	46
Điều 51	46
Tổng giám đốc	46
Điều 52	47
Giúp việc cho Tổng giám đốc.....	47
Điều 53	48
Lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc	48
Điều 54	48
Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc	48
Điều 55	48
Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc....	48
Mục 5:	49
Ban kiểm soát	49
Điều 56	49
Ban kiểm soát	49
Điều 57	50
Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	50
Điều 58	52
Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát	52
Điều 59	52
Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát.....	52
Điều 60	53
Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	53
Điều 61	53

Handwritten signature

Handwritten signature

172
IG
CH
PH
CH
N.
172

Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát.....	53
Điều 62	53
Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát.....	53
Điều 63	54
Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	54
Điều 64	55
Cuộc họp, thông qua quyết định và Biên bản họp Ban kiểm soát.....	55
Mục 6:.....	55
Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ	55
Điều 65.....	55
Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ.....	55
Điều 66.....	56
Kiểm toán nội bộ	56
Mục 7:.....	56
Nghĩa vụ của Người điều hành, Người quản lý của Công ty	56
và thành viên Ban kiểm soát.....	56
Điều 67	56
Công khai các lợi ích có liên quan.....	56
Điều 68	57
Nghĩa vụ của Người quản lý của Công ty và thành viên Ban kiểm soát	57
Điều 69	57
Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận	57
Điều 70.....	58
Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	58
CHƯƠNG IV:	58
CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	58
Mục 1:.....	58
Hệ thống kế toán và năm tài chính.....	58
Điều 71	58
Hệ thống kế toán	58
Điều 72	59
Năm tài chính.....	59
Mục 2:.....	59
Kiểm toán độc lập và con dấu.....	59
Điều 73	59
Kiểm toán độc lập	59
Điều 74	59
Con dấu.....	59
Mục 3:.....	60
Lợi nhuận và trích lập các quỹ	60
Điều 75	60
Trích lập quỹ.....	60
Điều 76	60
Trả cổ tức.....	60
CHƯƠNG V:.....	61
SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	61
Điều 77	61
Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	61
Điều 78	62
Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Công ty	62

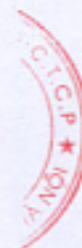
Handwritten signature

Handwritten signature

Điều 79	62
Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty	62
Điều 80	63
Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	63
CHƯƠNG VI:	63
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	63
Điều 81	63
Tổ chức lại	63
Điều 82	63
Giải thể Công ty	63
Điều 83	64
Phá sản Công ty	64
CHƯƠNG VII:.....	64
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI	64
VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY	64
Điều 84	64
Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	64
Điều 85	65
Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.....	65
CHƯƠNG VIII:	65
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	65
Điều 86	65
Điều khoản chung	65

Handwritten signature

Handwritten signature



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN HOÁ CHẤT VIỆT NAM**

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Cổ phần Hoá chất Việt Nam, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Tài chính Cổ phần Hoá chất Việt Nam sửa đổi, bổ sung thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013 - 2018 ngày 26 tháng 04 năm 2013.

**CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Mục 1: Giải thích từ ngữ

Điều 1 **Giải thích từ ngữ**

- 1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - 1.1 “**Cổ đông**” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty và đăng ký tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là một người nắm giữ (các) cổ phần.
 - 1.2 “**Cổ đông sáng lập**” là tổ chức, cá nhân tham gia vận động thành lập, xây dựng và ký tên thông qua bản điều lệ đầu tiên của công ty. Cổ đông sáng lập phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - 1.3 “**Cổ phần**” vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau, mỗi phần đó được gọi là một cổ phần;
 - 1.4 “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành hoặc ghi chép, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu Công ty là cổ phiếu ghi tên.
 - 1.5 “**Công ty**” là Công ty Tài chính Cổ phần Hoá chất Việt Nam
 - 1.6 “**Công ty con**” của Công ty là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty hoặc Công ty và người có liên quan của Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
 - (ii) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - (iii) Công ty có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
 - (iv) Công ty và người có liên quan của Công ty trực tiếp hay gián tiếp

kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

- 1.7 **"Đại hội đồng cổ đông"** là cuộc họp của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty.
- 1.8 **"Đề cử"** là việc một cổ đông thể nhân hoặc một cổ đông tổ chức hoặc một nhóm cổ đông giới thiệu một cổ đông cá nhân hoặc người đại diện của cổ đông tổ chức hoặc cá nhân khác có đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này làm các ứng cử viên để Đại hội đồng cổ đông bầu vào chức danh thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát của Công ty.
- 1.9 **"Luật các tổ chức tín dụng"** là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2010.
- 1.10 **"Luật doanh nghiệp"** là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 hoặc luật khác sửa đổi, bổ sung, thay thế luật này
- 1.11 **"Luật chứng khoán"** là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 hoặc luật khác sửa đổi, bổ sung, thay thế luật này
- 1.12 **"Ngân hàng Nhà nước"** là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 1.13 **"Ngày thành lập"** là ngày Công ty được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 1.14 **"Người có liên quan"** là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- (i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
 - (iv) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - (v) Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ

Handwritten signature

Handwritten signature

- phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;
- (vi) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
- 1.15 **"Người điều hành"** bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
- 1.16 **"Người quản lý của Công ty"** bao gồm thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty.
- 1.17 **"Pháp luật"** có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định, thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động của công ty tài chính bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định này.
- 1.18 **"Việt Nam"** là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 1.19 **"Vốn Điều lệ"** là số vốn do các tổ chức góp hoặc tổ chức, cá nhân mua cổ phần, đã nộp đủ và được ghi vào Giấy phép thành lập và hoạt động, Điều lệ của công ty.
- 1.20 **"Vốn pháp định"** là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của Chính phủ để thành lập và duy trì hoạt động của Công ty .
- 2 Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.
- 3 Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 4 Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp và Luật các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Mục 2:

Tên gọi, trụ sở, mục tiêu và phạm vi hoạt động

- Điều 2** Tên gọi, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động
- 2.1 Tên Công ty
- (a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Công ty Tài chính Cổ phần Hoá chất Việt Nam
- (b) Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Công ty Tài chính Hoá chất
- (c) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Chemical Finance Joint Stock Company

(d) Tên viết tắt bằng tiếng Anh: VCFC

2.2 Trụ sở chính của Công ty:

Địa chỉ: Tầng 4, số 4 phố Phạm Ngũ Lão, phường Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (084-4) 39333032

Fax : (084-4) 39333031

Email : info@vcfc.com.vn

Trang Web : www.vcfc.com.vn

2.3 Công ty được mở chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước; thành lập Công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.

2.4 Công ty thành lập hoặc tham gia thành lập các công con, Công ty liên kết, đơn vị sự nghiệp ở trong nước hoặc ngoài nước để thực hiện hoạt động kinh doanh khác có liên quan hoặc không liên quan đến hoạt động tài chính ngân hàng theo quy định của Pháp luật.

2.5 Bộ máy giúp việc tại trụ sở chính, chi nhánh Công ty bao gồm: văn phòng, phòng (ban) chuyên môn, nghiệp vụ.

2.6 Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2008 là ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 3 Hình thức, tư cách pháp nhân, đại diện theo pháp luật và tài khoản của Công ty

3.1 Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty tài chính cổ phần hoạt động theo Điều lệ và Pháp luật.

3.2 Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông của Công ty giới hạn trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

3.3 Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4 Tôn chỉ, lĩnh vực kinh doanh và mục tiêu hoạt động của Công ty

4.1 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thực hiện huy động vốn, cấp tín dụng và các dịch vụ tài chính tiền tệ khác cho các tổ chức và cá nhân theo quy định của pháp luật.

4.2 Mục tiêu của Công ty là bảo toàn, phát triển vốn của Công ty, sử dụng hợp lý các nguồn lực để tối đa hóa lợi nhuận, tích lũy đầu tư, phát triển Công ty trở thành một trong những công ty tài chính hàng đầu tại Việt Nam xét trên ba tiêu chí: chuyên nghiệp, sáng tạo và hiệu quả. Thông qua đó, Công ty sẽ đem lại những lợi ích thiết thực cho cổ đông cũng như đóng góp tích cực

vào sự phát triển kinh tế đất nước.

Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- 5.1 Công ty tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Điều lệ này và phù hợp với quy định của Pháp luật.
- 5.2 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng, Pháp luật khác có liên quan và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty.

Mục 3:

Các hoạt động chính

Điều 6 Huy động vốn

Công ty huy động vốn dưới các hình thức sau:

- (a) Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Pháp luật.
- (b) Phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các loại giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật hiện hành;
- (c) Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong nước, ngoài nước và các tổ chức tài chính quốc tế.
- (d) Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.
- (đ) Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7 Hoạt động tín dụng

7.1 Cho vay

- (a) Cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn theo quy định của NHNN.
- (b) Cho vay theo ủy thác của Chính phủ, của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định hiện hành của Pháp luật
- (c) Cho vay tiêu dùng, cho vay mua trả góp
- (d) Các hình thức cho vay khác

7.2 Chiết khấu, tái chiết khấu, công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác

- (a) Công ty được cấp tín dụng dưới hình thức chiết khấu, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác đối với các tổ chức và cá nhân
- (b) Công ty và các tổ chức tín dụng khác được tái chiết khấu, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác cho nhau

7.3 Bảo lãnh

Công ty được bảo lãnh bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh. Việc bảo lãnh của Công ty phải được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.



Pr

Am

7.4 Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng Nhà nước.

Điều 8 Mở tài khoản và dịch vụ ngân quỹ

8.1 Mở tài khoản

(a) Công ty mở tài khoản tiền gửi tại NHNN nơi Công ty đặt trụ sở chính, duy trì tại đó số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN

(b) Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Việc mở tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng ngoài lãnh thổ Việt Nam phải được NHNN cho phép

(c) Công ty được mở các loại tài khoản cho khách hàng theo quy định của NHNN;

8.2 Dịch vụ ngân quỹ

Công ty được thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng

Điều 9 Các hoạt động nghiệp vụ khác

9.1 Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, quỹ đầu tư và các tổ chức tín dụng khác theo quy định của NHNN và quy định pháp luật hiện hành;

9.2 Đầu tư vào các dự án theo hợp đồng;

9.3 Tham gia thị trường tiền tệ;

9.4 Mua bán trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; Làm đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá cho các doanh nghiệp;

9.5 Hoạt động phát hành thẻ tín dụng

9.6 Ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng theo quy định của NHNN, làm đại lý và các dịch vụ trong các lĩnh vực liên quan đến tài chính, ngân hàng, bảo hiểm và đầu tư, kể cả việc quản lý tài sản, vốn đầu tư của các tổ chức và cá nhân;

9.7 Cung ứng các dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính, tiền tệ, đầu tư cho khách hàng;

9.8 Thu xếp vốn đầu tư các dự án, đàm phán ký kết các hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước cho các tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng;

9.9 Cung ứng các dịch vụ bảo quản hiện vật quý, giấy tờ có giá, cho thuê tủ két, cầm đồ và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật;

9.10 Hoạt động ngoại hối;

9.11 Bao thanh toán;

9.12 Các hoạt động khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 10 Các giới hạn để đảm bảo an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, Công ty tuân thủ các quy định về các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 11 Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế

11.1 Công ty áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động của tổ chức tín dụng phi ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

11.2 Công ty có thể thoả thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động tài chính, ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với nguyên tắc áp dụng tập quán quốc tế của Pháp luật Việt Nam.

Điều 12 Tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

12.1 Các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp - Pháp luật của Việt Nam và điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của Pháp luật.

12.2 Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức nêu tại khoản 12.1 Điều này.

CHƯƠNG II:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Mục 1:

Vốn điều lệ

Điều 13 Vốn điều lệ của Công ty

13.1 Vốn điều lệ của Công ty vào ngày thông qua điều lệ này là 600.000.000.000 (Sáu trăm tỷ) đồng Việt Nam.

13.2 Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ).

13.3 Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích, theo tỷ lệ do pháp luật quy định.

Điều 14 Tăng, giảm vốn điều lệ

Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật có liên quan. Việc tăng, giảm vốn điều lệ chỉ thực hiện sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Mục 2:

Cổ phần, Cổ phiếu, Trái phiếu

Điều 15 Cổ phần

- 15.1 Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng). Số lượng cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
- 15.2 Vào ngày thông qua Điều lệ này, cổ phần của Công ty gồm hai loại: cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi biểu quyết.
- 15.3 Cổ phần ưu đãi biểu quyết

Chỉ có cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 3 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần ưu đãi biểu quyết có số phiếu biểu quyết bằng 2 (hai) lần cổ phần phổ thông. Mỗi cổ phần của cổ đông sáng lập là một cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác. Cổ phần ưu đãi biểu quyết có thể chuyển thành cổ phần phổ thông trước thời hạn 3 (ba) năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- 15.4 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 15.5 Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập sẽ được nêu tại Phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của điều lệ này.
- 15.6 Cổ đông có thể cầm cố cổ phần của Công ty để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật nhưng không được cầm cố tại chính Công ty.

Điều 16 Chào bán cổ phần

- 16.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá phát hành cổ phiếu theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 16.1.1 Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
- (a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - (b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
 - (c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết;
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

- 16.1.2 Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch được xử lý, hạch toán theo quy định của Pháp luật.
- 16.2 Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:
- (a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ đã đăng ký. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.
- (b) Thông báo gửi cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn đăng ký mua cổ phần được xác định trong thông báo không dưới 15 (mười lăm) ngày. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành.
- (c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.
- (d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của Công ty) thì cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông khác của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
- 16.3 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 16.4 Sau khi cổ phần được bán, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Đối với cổ phần được bán dưới hình thức bút toán ghi sổ, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.
- 16.5 Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra

công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17 Mua lại cổ phần

17.1 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra theo quy định sau đây:

- (a) Hội đồng quản trị Công ty có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- (b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm (c) khoản này.
- (c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

17.2 Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

- (a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định của Công ty về việc tổ chức lại hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

- (b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 17.2 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 (ba) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- 17.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

- (a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 17.1 và 17.2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn tuân thủ các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, đủ vốn pháp định theo quy định của Pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- (b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 17.1 và 17.2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.
- (c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu huỷ ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu huỷ cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
- (d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại..

Điều 18 Chuyển nhượng cổ phần

- 18.1 Tất cả cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp bị hạn chế theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 18.2 Trường hợp cổ đông có cam kết hoặc có thoả thuận không được chuyển nhượng thì trong thời hạn theo cam kết hoặc thoả thuận sẽ không được chuyển nhượng, trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác.
- 18.3 Trường hợp chuyển nhượng cổ phần phải được Ngân hàng nhà nước chấp thuận thì việc chuyển nhượng chỉ được tiến hành sau khi có chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng nhà nước.
- 18.4 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng các phương thức khác do Hội đồng quản trị quy định. Cổ phiếu của Công ty khi được niêm yết, việc chuyển nhượng sẽ theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 18.5 Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của người nhận chuyển nhượng



Handwritten signature or mark.

Handwritten signature or mark.

được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 19 Thừa kế cổ phần

- 19.1 Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, Pháp luật về thừa kế và các quy định khác có liên quan của Pháp luật. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế.
- 19.2 Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và Pháp luật.
- 19.3 Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 20 Giới hạn sở hữu cổ phần

- 20.1 Cổ đông là cá nhân được sở hữu cổ phần không quá 10% vốn điều lệ của Công ty.
- 20.2 Cổ đông là tổ chức được sở hữu cổ phần không quá 20% vốn điều lệ của Công ty.
- 20.3 Tỷ lệ giới hạn sở hữu của cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty được xác định theo quy định của Pháp luật.
- 20.4 Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của Công ty
- 20.5 Công ty mẹ - Tập đoàn Hoá chất Việt Nam và những người có liên quan được tham gia với tư cách là cổ đông sáng lập và được sở hữu tối đa 40% vốn điều lệ của Công ty.
- 20.6 Tỷ lệ giới hạn sở hữu cổ phần của các cổ đông quy định tại điều này có thể thay đổi trong trường hợp Pháp luật liên quan có quy định khác hoặc khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép áp dụng một tỷ lệ sở hữu cổ phần khác.
- 20.7 Trong thời hạn quy định của Pháp luật, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% vốn điều lệ của Công ty, trong đó các cổ đông sáng lập là tổ chức phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập.

Điều 21 Sổ đăng ký cổ đông

- 21.1 Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

- (b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại.
 - (c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp.
 - (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức.
 - (d) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 21.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu hoặc trích lục, sao chép hồ sơ liên quan vốn cổ phần của mình trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.
- 21.3 Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Công ty hoặc nắm giữ một tỷ lệ sở hữu khác theo quy định của Pháp luật có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó, nếu pháp luật có yêu cầu.
- Điều 22 Cổ phiếu**
- 22.1 Cổ đông của Công ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 22.7 Điều này.
- 22.2 Cổ phiếu của Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty.
 - (b) Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
 - (c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
 - (d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
 - (d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên.
 - (e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
 - (g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.
 - (h) Số đăng ký của cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu.
 - (i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi, nếu có.
- 22.3 Trong thời hạn tối đa là ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cổ phần hoặc trong thời hạn hai (2) tháng kể từ ngày Công ty hoàn tất các thủ tục tăng vốn, đăng ký tên cổ đông theo phương án tăng vốn mới, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ

- phần không phải trả cho Công ty chi phí in cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
- 22.4 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Công ty sẽ cấp miễn phí cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.
- 22.5 Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu có ghi tên đó có thể yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
- 22.6 Người sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản cổ phiếu.
- 22.7 Công ty có thể phát hành cổ phiếu dưới hình thức bút toán ghi sổ. Hội đồng quản trị ban hành văn bản quy định việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phiếu này theo quy định của Pháp luật.
- Điều 23 Phát hành trái phiếu**
- 23.1 Tuân thủ quy định hiện hành của pháp luật về phát hành trái phiếu.
- 23.2 Đối với trái phiếu chuyển đổi:
- (a) Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;
- (b) Việc Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản nếu Pháp luật có quy định;
- (c) Công ty quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Những thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi nếu Pháp luật có quy định.
- (d) Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

**CHƯƠNG III:
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY**

**Mục 1:
Cơ cấu tổ chức quản lý**

Điều 24 Cơ cấu tổ chức quản lý
Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, gồm:

- 24.1 Đại hội đồng cổ đông.
- 24.2 Hội đồng quản trị.
- 24.3 Tổng giám đốc.
- 24.4 Ban kiểm soát.
- 24.5 Bộ máy giúp việc.

**Mục 2:
Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông**

Điều 25 Cổ đông

- 25.1 Cổ đông là những người sở hữu tối thiểu một cổ phần trở lên tại Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Quyền và trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.
- 25.2 Cổ đông được công nhận chính thức khi đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
- 25.3 Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tại Công ty thực hiện theo khoản 3 Điều 96 Luật Doanh nghiệp và các quy định của Pháp luật có liên quan.
- 25.4 Công ty phải có đáp ứng số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật.

Điều 26 Quyền của cổ đông

- 26.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - (a) Tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự, phát biểu và biểu quyết trực tiếp các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - (b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - (c) Được ưu tiên mua cổ phần mới mà Công ty chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông sở hữu;
 - (d) Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty;

- (d) Được ủy quyền từng lần bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình;
- (e) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông, phù hợp với quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- (g) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- (h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- (i) Trong trường hợp Công ty bị giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng tỷ lệ số cổ phần sở hữu, sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các đối tượng ưu tiên khác theo quy định của Pháp luật.
- (k) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và điều lệ này.

26.2 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây

- (a) Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này;
- (b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác.

26.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng ngoài các quyền theo quy định tại khoản 26.1 và 26.2 Điều này còn có thêm có các quyền:

- (a) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý của Công ty hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà không tổ chức đại hội đồng cổ đông để bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với các cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị,

- mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- (b) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - (c) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính 6 (sáu) tháng đầu năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - (d) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - (e) Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 27 Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông Công ty phải có các nghĩa vụ sau:

- 27.1 Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- 27.2 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua và (i) chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Công ty; (ii) chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 27.3 Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.
- 27.4 Bảo vệ uy tín, tài sản, lợi ích và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty.
- 27.5 Cổ đông không được nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (a) Vi phạm pháp luật.
 - (b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của mình, của tổ chức, cá nhân khác.

27.6 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

Điều 28 Đại hội đồng cổ đông

28.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

28.2 Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham dự tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này

28.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các cổ đông hoặc người được uỷ quyền thông qua theo quy định tại Điều lệ này

Điều 29 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi các quy định của Pháp luật và Điều lệ này có các quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- (a) Thông qua định hướng hoạt động và phát triển của Công ty ;
- (b) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- (c) Thông qua Quy định nội bộ về tổ chức hoạt động, chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- (d) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát của từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- (e) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
- (g) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- (h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- (i) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- (k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- (l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận;
- (m) Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập;
- (n) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;
- (o) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty với những

- người được quy định tại khoản 69.2 Điều 69;
- (p) Quyết định thành lập công ty con;
- (q) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- (r) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Quyết định các giao dịch khác của Công ty có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty trở lên, trừ các trường hợp được quy định tại khoản (o) Điều này.
- (s) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất
- (t) Thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- (u) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 30 Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

- 30.1 Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và phải được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 4 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 30.2 Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - (a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - (b) Tình hình tài chính của Công ty cho thấy Công ty bị lâm vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - (c) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hoặc ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này.
 - (d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 26.2 Điều 26 Điều lệ này;
 - (e) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của Người quản lý theo quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị ra quyết định vượt thẩm quyền;
 - (g) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
 - (h) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

- 30.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại các điểm a, b, c, d, e, g khoản 30.2 Điều này.
- 30.4 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 30.2 và 30.3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- 30.5 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 30.4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty quy định tại điểm (d) khoản 30.2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Ngân hàng Nhà nước hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp.
- 30.6 Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam.
- 30.7 Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 30.3, 30.4 và 30.5 Điều này sẽ do Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
- 30.8 Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại các khoản 30.3 và 30.4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.
- Điều 31 Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**
- 31.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 30 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 31.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc đại hội dự kiến. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những

- thông tin sai lệch hoặc bỏ sót những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 31.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website của Công ty) chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu biểu quyết, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp được gửi cho các cổ đông đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông có thể tiếp cận.
- 31.4 Trường hợp đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (nếu cổ phiếu đã được niêm yết), trên website của Công ty, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi Công ty đặt trụ sở chính. Trường hợp chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Công ty có thể thông báo họp Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
- 31.5 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề

AV

Đam



xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

31.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 31.5 Điều này trong các trường hợp sau:

- (a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
- (b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất trên 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông hoặc thời gian nắm giữ cổ phần không đủ 6 (sáu) tháng liên tục.
- (c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

31.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 31.5 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 31.6 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 32 Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

32.1 Các cổ đông cá nhân hoặc người đại diện theo uỷ quyền cổ đông là tổ chức có quyền trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự cuộc họp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được uỷ quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình.

32.2 Trường hợp cổ đông là tổ chức mới sáp nhập, hợp nhất hoặc cá nhân, tổ chức thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì cá nhân, tổ chức kế thừa quyền cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi số cổ phần sở hữu hợp pháp.

32.3 Việc uỷ quyền lập thành văn bản theo mẫu của Công ty được Hội đồng quản trị chấp thuận. Người được uỷ quyền nộp văn bản này trước khi vào phòng họp. Văn bản uỷ quyền của cổ đông phải bao gồm các chữ ký theo quy định sau:

- (i) Trường hợp cổ đông là cá nhân thì phải có chữ ký của cổ đông đó và chữ ký của người được uỷ quyền dự họp.
- (ii) Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người này, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và chữ ký của người được uỷ quyền dự họp.

- (iii) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp
- 32.4 Trừ trường hợp Công ty nhận được thông báo bằng văn bản chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, phiếu bầu của người ủy quyền trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi người ủy quyền đã:
- (a) Chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- (b) Huỷ bỏ hoặc chấm dứt việc ủy quyền.
- 32.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và đã được giải quyết chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 33 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**
- 33.1 Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền dự họp theo danh sách tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký xác nhận số cổ phần và loại cổ phần của mình.
- 33.2 Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- 33.3 Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- (a) Trường hợp Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thì Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị có mặt sẽ tổ chức họp để bầu một trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; trong trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố, người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- (b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
- (c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản Đại hội đồng cổ đông.
- (d) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 3 người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- 33.4 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 33.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ biểu quyết được thu theo thứ tự sau đây: thẻ tán thành, thẻ không tán thành, thẻ không có ý kiến, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 33.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Tuy nhiên, Chủ tọa không được dừng cuộc họp để người đến muộn đăng ký; hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 33.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
- (a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp an ninh khác để đảm bảo an toàn cho đại hội.
 - (b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 33.8 Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông nếu nhận thấy rằng:
- (a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;
 - (b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng hợp pháp; hoặc
 - (c) Chủ tọa có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các nội dung chưa được thông qua tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- 33.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 33.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp được coi là hợp lệ như khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông bình thường.
- 33.10 Chủ tọa hoặc thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lệ và

- có trật tự, hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 33.11 Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc áp dụng các biện pháp an ninh phù hợp, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội đồng cổ đông.
- 33.12 Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
- (a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông.
 - (b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó.
 - (c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 33.13 Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- (a) Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ toạ đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội").
 - (b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.
- Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo khoản này.
- 33.14 Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.
- 33.15 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Điều 34 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**
- 34.1 Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 34.2 Trường hợp trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội đồng cổ đông mà không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định để tổ chức đại hội, cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ và phải được triệu tập lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức

Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

34.3 Trường hợp trong vòng 30 (ba mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội đồng cổ đông lần thứ hai mà không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định để tổ chức đại hội, cuộc họp đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ và Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

34.4 Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 35 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

35.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm a, d, g, q Điều 29 phải được thực hiện thông qua hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

35.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây:

(a) Được số cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền chấp thuận.

(b) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với một số vấn đề sau:

(i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;

(ii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

(iii) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể Công ty;

(iv) Quyết định về số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể trong trường hợp cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh.

(v) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Công ty có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

(vi) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

35.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên



M

am

- được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- 35.4 Trong trường hợp thông qua các quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
- 35.5 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và người uỷ quyền tham dự đại diện cho 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cùng bỏ phiếu tán thành. Trường hợp này các quyết định của đại hội đồng cổ đông được coi là hợp pháp và có hiệu lực thi hành, kể cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
- 35.6 Số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông biểu quyết bằng số cổ phần mà cổ đông sở hữu hoặc là người đại diện chủ sở hữu.
- 35.7 Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- (a) Các hợp đồng quy định tại khoản 69.2 Điều 69 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc Người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.
 - (b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người có liên quan tới cổ đông đó.
- 35.8 Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành đối với tất cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến và được thông báo đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày quyết định được thông qua.
- Điều 36 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**
- 36.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
- 36.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến với các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
- 36.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký thành lập và hoạt động của công ty;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên,

- địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập và số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- (d) Vấn đề cần lấy ý kiến thông qua quyết định;
- (d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- (e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
- 36.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- 36.5 Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc không tuân thủ đúng các yêu cầu trong phiếu lấy ý kiến gửi cho các cổ đông đều không hợp lệ.
- 36.6 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.
- 36.7 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- 36.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 36.9 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Điều 37 Thay đổi các quyền**
- 37.1 Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
- 37.2 Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua

hr.

am

đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

37.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34 và Điều 35 Điều lệ này trước khi đưa ra Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

37.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 38 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

38.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh với các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật.

38.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

38.3 Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông và Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Điều 39 Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

39.1 Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật; hoặc

39.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc Pháp luật.

Mục 3:

Hội đồng quản trị

Điều 40 Hội đồng quản trị

40.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- 40.2 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị, nhưng không ít hơn 05 (năm) người và không nhiều hơn 11 (mười một) người, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành tổ chức tín dụng.
- 40.3 Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc được bầu bổ sung hoặc thay thế, khi đó nhiệm kỳ của thành viên mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đương nhiệm.
- 40.4 Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát của Công ty.
- 40.5 Nguyên tắc đề cử người vào Hội đồng quản trị được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị.
- (a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - (b) Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - (c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - (d) Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - (d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - (e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - (g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - (h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.
- Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.
- 40.6 Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội



Handwritten signature

Handwritten signature

đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.

40.7

Điều 41 Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị

41.1 Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm quản trị Công ty trước các cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này về kết quả hoạt động của Công ty và có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- (a) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận hoặc chuẩn y các vấn đề theo quy định của Pháp luật;
- (b) Trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều 29 Điều lệ này.
- (c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- (d) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.
- (e) Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, chi nhánh, công ty trực thuộc, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.
- (g) Quyết định việc mở chi nhánh, Văn phòng đại diện, thành lập đơn vị sự nghiệp.
- (h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, Giám đốc chi nhánh, công ty trực thuộc, đơn vị sự nghiệp, các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và các chức danh khác trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.
- (i) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần để hình thành pháp nhân mới, hoặc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh không hình thành pháp nhân mới, hoặc mua bán sáp nhập doanh nghiệp có giá trị từ trên 10% đến dưới 20% vốn điều lệ của Công ty.
- (k) Cử người đại diện vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác
- (l) Thông qua các hợp đồng giao dịch của Công ty không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng với những người được quy định tại điểm a và điểm b khoản 69.1 Điều 69 có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo



Handwritten signature/initials.

Handwritten signature/initials.

- cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- (m) Chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- (n) Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
- (o) Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của Pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại Hội đồng cổ đông.
- (p) Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Công ty.
- (q) Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên và báo cáo tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.
- (r) Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- (s) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- (t) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Công ty.
- (u) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật.
- (v) Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- (aa) Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- (bb) Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định.
- (cc) Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc của Hội đồng quản trị.
- (dd) Thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị từ 30% (ba mươi phần trăm) đến dưới 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Công ty trên nguyên tắc tuân thủ các giới hạn bảo đảm an toàn của pháp luật hiện hành.

- (ee) Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - (ff) Quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo các Quy chế do Hội đồng quản trị ban hành về việc xử lý rủi ro, giảm miễn lãi, xuất toán các khoản nợ đã xử lý rủi ro ra khỏi tài khoản ngoại bảng.
 - (gg) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 41.2 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 41.3 Hội đồng quản trị có trách nhiệm tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và của Pháp luật.
- Điều 42 Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- 42.1 Hội đồng quản trị bầu ra một Chủ tịch trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam trong suốt nhiệm kỳ của mình.
- 42.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị không đồng thời là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát của Công ty.
- 42.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc tham gia điều hành của Tổ chức tín dụng khác trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty trực thuộc của Công ty.
- 42.4 Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- (a) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - (b) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị. Thực hiện quản trị hoạt động Công ty.
 - (c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - (d) Tổ chức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị dưới các hình thức. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; ký các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định đó.
 - (d) Bảo đảm việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
 - (e) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ quyền hạn của họ.

(g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

42.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình trong thời gian Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và thông báo cho các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Công ty biết về việc ủy quyền này.

Điều 43 Quyền hạn và nhiệm vụ của Thành viên Hội đồng quản trị

Các thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

43.1 Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị quản trị Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

43.2 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Công ty.

43.3 Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người quản lý của Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

43.4 Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

43.5 Ít nhất 2 thành viên Hội đồng quản trị trở lên có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Hội đồng quản trị.

43.6 Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý của Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và các đơn vị có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

43.7 Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc định hướng phát triển, phương án kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ.

43.8 Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

43.9 Thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp luật. Thực hiện các công việc, nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

43.10 Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi yêu cầu.

43.11 Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 44 Thù lao và thưởng của thành viên Hội đồng quản trị

44.1 Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

44.2 Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.

44.3 Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.

44.4 Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 45 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

45.1 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

(a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;

(b) Có đạo đức nghề nghiệp;

(c) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% vốn điều lệ của Công ty, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị hoặc có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.

45.2 Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 45.1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

(a) Không phải là người đang làm việc cho chính Công ty hoặc công ty con của Công ty hoặc đã làm việc cho chính Công ty hoặc công ty con của Công ty trong 03 năm liền kể trước đó;

(b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Công ty ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

(c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- (d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;
- (e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

Điều 46 Hội đồng quản trị

- 46.1 Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 46.2 Hội đồng quản trị Công ty họp định kỳ và bất thường. Các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị tổ chức ít nhất mỗi quý một lần do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền triệu tập.
- 46.3 Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường, theo đề nghị của:
 - (a) Tổng giám đốc, hoặc ít nhất 5 người quản lý;
 - (b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
 - (c) Ban kiểm soát.
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.Đề nghị phải lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhưng phải thông báo cho người đề nghị và các thành viên Hội đồng quản trị biết.
- 46.4 Trường hợp có yêu cầu bằng văn bản của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán, và tình hình Công ty nếu xét thấy yêu cầu của kiểm toán viên độc lập là phù hợp và cần thiết.
- 46.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp làm bằng văn bản và bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ chương trình, thời gian và địa điểm họp, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp là các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác và phải bảo đảm đến được địa chỉ của

từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty. Thông báo mời họp không kèm theo phiếu biểu quyết cũng phải được đảm bảo gửi đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

46.6 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiến hành tại trụ sở Công ty hoặc những địa điểm khác thuận tiện trên lãnh thổ Việt Nam, hoặc tại địa điểm khác theo sự nhất trí chung của các thành viên Hội đồng quản trị.

46.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất $\frac{1}{3}$ (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện theo ủy quyền.

46.8 Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Khi không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền biểu quyết cho thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

46.9 Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

(a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, và

(b) Nếu muốn, thành viên đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp trong trường hợp này là địa điểm nơi nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Điều 47 Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

47.1 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức khác theo quy định của Pháp luật.

47.2 Quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp:

(a) Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp có một phiếu biểu quyết.

(b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, giao

Pr

Đm

dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc Người có liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên này, khi đó sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp Hội đồng quản trị về vấn đề mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- (c) Trong cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi có vấn đề phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
- (d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 69.1 Điều 69 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

47.3 Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua khi được đa số thành viên dự họp biểu quyết đồng ý, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến chấp thuận của chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên không dự họp được biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết đựng trong phong bì kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Phiếu biểu quyết hợp lệ bằng văn bản có giá trị ngang bằng với phiếu biểu quyết của những người trực tiếp dự họp. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp có sử dụng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin liên lạc được tổ chức và tiến hành một cách hợp lệ theo quy định tại khoản 46.9 Điều 46 Điều lệ này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này trong biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 48 Biên bản họp hội đồng quản trị

- 48.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được ghi vào sổ biên bản, trường hợp cần thiết có thể ghi âm, ghi hình. Biên bản được lập bằng tiếng Việt với các nội dung chủ yếu theo quy định của Pháp luật. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- 48.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 48.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó được xem như bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ trường hợp có ý kiến phản đối bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi văn bản đó. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.

Điều 49 Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 49.1 Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
- (a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết.
 - (b) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
 - (c) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.
 - (d) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - (e) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - (f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 49.2 Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp:
- (a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 45 của Điều lệ này
 - (b) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
 - (c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - (d) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty và Ngân hàng Nhà nước nơi công ty đóng trụ sở chính trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày.
 - (e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - (f) Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập.
 - (g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 49.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với tổng số thành viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định thì Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành

- viên bị giám quá 1/3 để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
- 49.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một thành viên Hội đồng quản trị lên thay theo nguyên tắc đa số.
- Điều 50 Các ủy ban giúp việc của Hội đồng quản trị**
- 50.1 Hội đồng quản trị của Công ty phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
- 50.2 Hội đồng quản trị lập Ban thư ký làm việc thường xuyên, chuyên trách tại Công ty. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban thư ký do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Mục 4:

Tổng giám đốc

Điều 51 Tổng giám đốc

- 51.1 Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
- 51.2 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và các quyền, nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 51.3 Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác nhưng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại.
- 51.4 Tổng giám đốc không đồng thời là Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là Công ty trực thuộc của Công ty.
- 51.5 Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc:
- (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày và công tác tổ chức nhân sự của công ty phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và quy định nội bộ của VCFC; trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các cấp có thẩm quyền khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị VCFC ban hành;
- (b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- (d) Quyết định và thực hiện mọi giao dịch phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động và quy định nội bộ của VCFC, trừ những vấn đề



AK

lcm

thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các cấp có thẩm quyền khác theo quy định nội bộ do Hội đồng quản trị VCFC ban hành.

- (e) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
 - (g) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý, người điều hành thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - (h) Tuyển dụng lao động;
 - (i) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - (k) Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
 - (l) Thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ có hiệu quả; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
 - (m) Báo cáo với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - (n) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng quản trị để giải quyết tiếp.
 - (o) Kiến nghị, đề xuất việc tổ chức, quản trị và hoạt động Công ty nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Công ty trình hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
 - (p) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
 - (q) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý, điều hành không thuộc những chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - (r) Ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty.
 - (s) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- Điều 52. Giúp việc cho Tổng giám đốc**
- 52.1 Giúp việc cho Tổng giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban chức năng của Công ty.
- 52.2 Phó Tổng giám đốc trợ giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo phân công của Tổng giám đốc, báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước Pháp luật về nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.



Handwritten signature/initials.

Handwritten signature/initials.

52.3 Số lượng Phó Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc là 05 năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác nhưng không quá 05 năm.

52.4 Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật.

Điều 53 Lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Tổng giám đốc tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 54 Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc

54.1 Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- (a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;
- (b) Có đạo đức nghề nghiệp;
- (c) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- (d) Có ít nhất 05 năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;
- (d) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

54.2 Phó Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- (a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật các tổ chức tín dụng;
- (b) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các chuyên ngành, lĩnh vực nêu trên nhưng có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.
- (c) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 55 Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Phó

Tổng giám đốc

- 55.1 Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách trong các trường hợp sau:
- (a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 54 tại Điều lệ này.
 - (b) Chết.
 - (c) Khi bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.
 - (d) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - (e) Hội đồng quản trị không bổ nhiệm tiếp Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc khi hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn hợp đồng và không gia hạn hợp đồng thuê.
 - (g) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 55.2 Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- (a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế.
 - (b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 (ba mươi) ngày.
 - (c) Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 - (d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
- 55.3 Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc theo điểm c khoản 55.2 Điều này khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành. Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó tổng giám đốc theo điểm c khoản 55.2 khi có nhiều hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị bỏ phiếu tán thành.
- 55.4 Trong trường hợp Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách, Hội đồng quản trị gửi thông báo bằng văn bản, kèm theo các tài liệu chứng minh cho Ngân hàng Nhà nước và cử người tạm thay thế. Sau đó Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.

Mục 5:

Ban kiểm soát

Điều 56 Ban kiểm soát

- 56.1 Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 56.2 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, số lượng cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Ban kiểm soát phải có ít nhất một nửa (1/2) số thành viên là chuyên trách và phải có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về tài chính kế toán theo quy định của pháp luật.

- 56.3 Nguyên tắc đề cử người vào Ban kiểm soát được thực hiện như sau: Các cổ đông có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát.
- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

- 56.4 Ban kiểm soát bầu một thành viên Ban kiểm soát là cổ đông hoặc người đại diện cổ đông làm Trưởng Ban kiểm soát.

- 56.5 Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại. Trưởng Ban kiểm soát phân công công việc cho các thành viên Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát.

- 56.6 Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Công ty hoặc Công ty con của Công ty.

Điều 57 Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

- 57.1 Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

- 57.2 Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo, trước khi ban hành cần tham khảo thống nhất ý kiến của Hội đồng quản trị.

04.
Y
H
N
AT
IM
TP

Ar.

Am

- 57.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh, công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát cần tham khảo và có ý kiến thống nhất của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 57.4 Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty liên quan đến hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.
- 57.5 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn việc điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 57.6 Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 57.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 57.8 Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty đối với nghĩa vụ của người quản lý theo quy định tại Điều lệ này và quy định Pháp luật có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
- 57.9 Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- 57.10 Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán
- 57.11 Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

- 57.12 Có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ và được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
- 57.13 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Pháp luật.

Điều 58 Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

Trưởng Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 58.1 Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của các thành viên Ban kiểm soát liên quan đến các vấn đề quy định tại Điều 57 Điều lệ này.
- 58.2 Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
- 58.3 Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của Công ty.
- 58.4 Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
- 58.5 Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- 58.6 Ủy quyền cho một trong số thành viên Ban kiểm soát đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt.
- 58.7 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 59 Quyền và nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- 59.1 Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Ban kiểm soát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ này, quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của Công ty và cổ đông.
- 59.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
- 59.3 Ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ban kiểm soát trở lên có quyền đề nghị Hội đồng quản trị họp phiên bất thường và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có sai phạm nghiêm trọng quy định về nghĩa vụ của Người quản lý quy định tại Điều lệ này;
- 59.4 Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập họp Ban kiểm soát bất thường.
- 59.5 Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị các biện pháp khắc phục sai phạm nếu có.
- 59.6 Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân cho các đánh giá và kết luận của mình.
- 59.7 Tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề quy định tại Điều 57 Điều lệ này, trừ những vấn đề có xung đột



lợi ích.

- 59.8 Các nhiệm vụ và quyền hạn khác được quy định trong Điều lệ này và quy định của Pháp luật.

Điều 60 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 60.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- 60.2 Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
- 60.3 Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc;
- 60.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 61 Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát

- 61.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên Ban kiểm soát.
- 61.2 Các chi phí ăn, ở, di lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập của thành viên Ban kiểm soát được Công ty thanh toán với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và các chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 61.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Điều 62 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
- 62.1 Từ đủ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 62.2 Không thuộc đối tượng không được làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của Pháp luật.
- 62.3 Có trình độ từ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, quản

trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán.

62.4 Không phải là Người có liên quan của Người quản lý của Công ty.

62.5 Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

62.6 Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết luật pháp.

Điều 63 Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

63.1 Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau đây:

(a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;

(b) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

(c) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

(d) Khi bị tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam.

(d) Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

(c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật

63.2 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

(a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 62 Điều lệ này

(b) Năng lực dân sự bị hạn chế.

(c) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

(d) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, ít nhất 30 ngày.

(d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

(e) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.

63.3 Trường hợp Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát hoặc thành viên mới thay thế.

63.4 Trong trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

63.5 Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách

nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có thành viên Ban kiểm soát là cổ đông, các thành viên Ban kiểm soát còn lại đề nghị Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Công ty thay thế và tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

63.6 Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban kiểm soát, phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành. Trường hợp các thành viên Ban kiểm soát còn lại không phải là cổ đông hoặc đại diện cổ đông, trong thời hạn 15 ngày (kể từ ngày nhận đơn xin từ chức Trưởng Ban kiểm soát), Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu thành viên Ban kiểm soát trong số các cổ đông của Công ty, sau đó tiến hành thủ tục bầu Trưởng Ban kiểm soát.

63.7 Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

63.8 Trường hợp bị giảm quá 1/3 số thành viên Ban kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ Công ty, trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

63.9 Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 64 Cuộc họp, thông qua quyết định và Biên bản họp Ban kiểm soát.

Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty có trách nhiệm ban hành các quy định về cuộc họp, thông qua quyết định, cách thức hoạt động và Biên bản họp Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu một quý một lần và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

Mục 6:

Hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ và hệ thống kiểm toán nội bộ

Điều 65 Hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ

- 65.1 Công ty thiết lập hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ xuyên suốt trong toàn hệ thống Công ty, giúp Ban điều hành, điều hành thông suốt, kiểm soát an toàn và đúng pháp luật mọi hoạt động nghiệp vụ của Công ty.
- 65.2 Công ty thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy định nội bộ; trực tiếp kiểm tra, kiểm soát các hoạt động nghiệp vụ trên tất cả các lĩnh vực tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các Công ty trực thuộc (nếu có).
- Điều 66 Kiểm toán nội bộ**
- 66.1 Công ty thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ chuyên trách trực thuộc Ban kiểm soát thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty, bao gồm các hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Công ty, thông qua đó đơn vị thực hiện kiểm toán nội bộ đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Công ty hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- 66.2 Căn cứ quy mô, mức độ và đặc điểm hoạt động của Công ty và trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát, Hội đồng Quản trị quyết định về tổ chức bộ máy của kiểm toán nội bộ, chế độ lương, thưởng, phụ cấp trách nhiệm của người làm công tác kiểm toán nội bộ.

Mục 7:

Nghĩa vụ của Người điều hành, Người quản lý của Công ty và thành viên Ban kiểm soát

- Điều 67 Công khai các lợi ích có liên quan**
- 67.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty bao gồm:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- (b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.
- 67.2 Việc kê khai quy định tại khoản 67.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm

- việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 67.3 Việc kê khai quy định tại khoản 67.1 và 67.2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông của Công ty và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- Điều 68 Nghĩa vụ của Người quản lý của Công ty và thành viên Ban kiểm soát**
Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc Công ty trực thuộc, Giám đốc đơn vị sự nghiệp có nghĩa vụ:
- 68.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 68.2 Thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà mình tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.
- 68.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của Công ty.
- 68.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị Công ty về quyền lợi có thể gây xung đột mà họ có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị đã xem xét và chấp thuận.
- 68.5 Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.
- 68.6 Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc Người có liên quan của mình vay vốn Công ty với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Pháp luật và quy định của Công ty.
- 68.7 Ngoài các điều khoản quy định từ khoản 68.1 đến 68.6 điều này, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
- 68.8 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Pháp luật.
- Điều 69 Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị chấp thuận**
- 69.1 Hợp đồng, giao dịch (không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế tại các điều 126, 127, 128, 129 của Luật các tổ chức tín dụng) giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
- (a) Cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm



Handwritten signature/initials.

Handwritten signature/initials.

- soát, cổ đông lớn của Công ty; Công ty con, công ty liên kết của Công ty.
- (b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc.
- (c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 67.1 Điều 67 Điều lệ này.
- 69.2 Các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại điểm a và điểm b khoản 69.1 Điều này có giá trị lớn hơn 20% vốn điều lệ của Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại điểm c khoản 69.1 Điều này có giá trị lớn hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại điểm c khoản 69.1 được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- 69.3 Trừ trường hợp quy định tại Khoản 69.2 Điều này, các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng nêu tại khoản 69.1 Điều này phải được Hội đồng quản trị chấp thuận. Tổng giám đốc Công ty gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị và niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 69.4 Trường hợp hợp đồng được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại các khoản 69.2 và 69.3 Điều này thì hợp đồng đó bị vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có liên quan gây thiệt hại cho Công ty bị xử lý kỷ luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
- Điều 70 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và người quản lý không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại của Công ty do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG IV: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Mục 1: Hệ thống kế toán và năm tài chính

Điều 71 Hệ thống kế toán

- 71.1 Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
- 71.2 Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
- 71.3 Các sổ sách kế toán của Công ty được lập bằng tiếng Việt theo quy định của Pháp luật. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch
- Điều 72 Năm tài chính**
- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 (mùng một) tháng 01 (đương lịch) hàng năm và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 12 (mười hai) cùng năm đó.

Mục 2:

Kiểm toán độc lập và con dấu

- Điều 73 Kiểm toán độc lập**
- 73.1 Theo đề xuất của Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định chọn một Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này, quy định của Ngân hàng Nhà nước và quy định khác có liên quan của Pháp luật.
- 73.2 Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
- 73.3 Công ty sẽ chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 73.4 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận, nếu Pháp luật có yêu cầu.
- 73.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 74 Con dấu

- 74.1 Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của Pháp luật.
- 74.2 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của Pháp luật.

Mục 3:

Lợi nhuận và trích lập các quỹ

Điều 75 Trích lập quỹ

75.1 Công ty trích lập các quỹ theo quy định của Pháp luật và Quy chế tài chính của Công ty bao gồm:

- (a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- (b) Quỹ dự phòng tài chính;
- (c) Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
- (d) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- (e) Quỹ thưởng Ban quản trị điều hành;
- (f) Quỹ khác theo quy định của pháp luật;

75.2 Việc sử dụng lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ do Đại hội cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị, bao gồm: trả cổ tức cho cổ đông, hoặc giữ lại chưa phân phối.

Điều 76 Trả cổ tức

76.1 Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản trị. Công ty chỉ trả cổ tức cho cổ đông sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

76.2 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

76.3 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

76.4 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng chuyển khoản theo yêu cầu của cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm

- về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó trong trường hợp đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông. Trong trường hợp cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán, việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phần này có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
- 76.5 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty.
- 76.6 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
- 76.7 Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng thanh toán và sinh lời của Công ty.
- 76.8 Công ty không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác mà cổ đông chưa nhận khi đến hạn trả cổ tức.

CHƯƠNG V: SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

- Điều 77 **Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý**
- 77.1 Công ty lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật kế toán, thống kê; báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ và các báo cáo khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.
- 77.2 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, thuyết minh báo cáo tài chính, thuế và tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước.
- 77.3 Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải lập một cách trung thực và khách quan, được kiểm toán trước khi trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua. Tổng giám đốc Công ty tổ chức thực hiện việc lập các báo cáo nêu tại khoản 77.2 Điều này.
- 77.4 Công ty sẽ lập các báo cáo tài chính sáu tháng và hàng quý và nộp các cơ quan có thẩm quyền phù hợp với quy định của pháp luật.

- 77.5 Hội đồng quản trị theo dõi, giám sát việc lập báo cáo nêu tại khoản 77.2 Điều này; lập các báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty, các báo cáo về tình hình tài chính của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 77.6 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính Công ty chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- Một bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, sau khi được Ban kiểm soát thẩm định sẽ được niêm yết tại trụ sở chính Công ty và thông báo đến tất cả các cổ đông chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Công ty có trang web riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải được công bố trên trang website đó.
- 77.7 Các báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua gửi đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- Điều 78 Quyền tiếp cận, kiểm tra sổ sách và hồ sơ Công ty**
- 78.1 Cổ đông của Công ty có quyền xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; xem xét, tra cứu và trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 78.2 Ngoài quyền tiếp cận theo quy định tại khoản 78.1 Điều này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền tiếp cận hồ sơ và sổ sách Công ty theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
- 78.3 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ, tài liệu khác của Công ty để phục vụ cho nhiệm vụ của mình tại Công ty và chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin tài liệu được cung cấp.
- Điều 79 Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty**
- 79.1 Công ty lưu giữ các tài liệu sau đây tại trụ sở chính Công ty:
- (a) Điều lệ Công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; quy chế quản lý nội bộ của Công ty; sổ đăng ký cổ đông.
- (b) Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất

- (c) lượng sản phẩm; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.
- (d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty.
- (e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; các quyết định của Công ty.
- (f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
- (g) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
- (h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- (i) Báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hàng năm của Công ty.
- (j) Báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hàng năm, báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của Công ty.
- (j) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- 79.2 Bản sao các báo cáo, tài liệu quyết toán hàng năm của Công ty, của các Công ty trực thuộc và các báo cáo tài chính hợp nhất được lưu giữ ở các chi nhánh của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam
- 79.3 Thời hạn lưu giữ các tài liệu nêu tại khoản 79.1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp luật.
- 79.4 Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu Công ty theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.
- Điều 80 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng**
Công ty phải công bố ra công chúng các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác theo những quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VI:

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

- Điều 81 Tổ chức lại**
Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.
- Điều 82 Giải thể Công ty**
 - 82.1 Công ty bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - (a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - (b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - (c) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
 - 82.2 Công ty chỉ giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.
 - 82.3 Các quyết định giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải

được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật. Việc thanh lý tài sản của Công ty do giải thể được thực hiện dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

82.4 Chậm nhất trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 thành viên, trong đó hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của Công ty hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

82.5 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan liên quan.

82.6 Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:

- (a) Các chi phí thanh lý.
- (b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của Pháp luật cho cán bộ nhân viên.
- (c) Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước Việt Nam.
- (d) Các khoản vay và nợ khác của Công ty.
- (e) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.

82.7 Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể Công ty thực hiện theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 83 Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VII:

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 84 Giải quyết tranh chấp nội bộ

- 84.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Pháp luật quy định, giữa:
- (a) Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty.

- (b) Một cổ đông hoặc các cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người quản lý của Công ty.
Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp
- 84.2 Trong trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 6 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
- 84.3 Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Tòa án hay Trọng tài sẽ do các cơ quan này quyết định bên nào phải chịu.
- Điều 85 Sửa đổi và bổ sung Điều lệ**
- 85.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 85.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Điều 86 Điều khoản chung**
- 86.1 Ngôn ngữ chính thức được sử dụng trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị, họp Ban kiểm soát là tiếng Việt; ngôn ngữ sử dụng trong các văn bản Điều lệ, quy chế, quy định, quyết định của Công ty cũng như trong biên bản các cuộc họp kể trên là tiếng Việt. Các cổ đông nước ngoài (nếu có) tự chuẩn bị người và chịu các chi phí phiên dịch, biên dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.
- 86.2 Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2013 - 2018 (ngày 26 tháng 04 năm 2013).
Điều lệ này thay thế Bản Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại

cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (ngày 25 tháng 04 năm 2012).

- 86.3 Tất cả các đơn vị và cá nhân thuộc Công ty có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.
- 86.4 Điều lệ được lập thành 10 bản gốc có giá trị như nhau, được lưu giữ và được nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật.
- 86.5 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị Công ty.
- 86.6 Điều lệ này được thông qua và ban hành tại thành phố Hà Nội, Việt Nam. /.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

[Signature]
Lê Ngọc Quang



[Signature]